| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập-Tự do- Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1470/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2016* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ**

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2449
ĐẾN Ngày: 27.7.16
Chuyển: ...pvh...(qvm)...

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 9 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác tại Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thì vẫn còn hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất việc ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện xã hội hóa và sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Văn phòng trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
-UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX (3b). 240

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Vũ Đức Đam**

# DANH MỤC

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1470 /QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. Sửa đổi điểm A Mục I Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg như sau:**

| Cơ sở giáo dục | Quy mô tối thiểu | Số trẻ em, học sinh tối đa/1 lớp, nhóm trẻ | Tiêu chí | | Tiêu chuẩn | Điều kiện khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Diện tích sử dụng tối thiểu | Diện tích đất tối thiểu | | |
| Trường mầm non | | | | | Quyết định ban hành điều lệ trường mầm non học theo văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 13/02/2014 Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |
| Thành phố, Thị xã, | 50 trẻ em | 3-12 tháng tuổi: 15 trẻ em<br>13-24 tháng tuổi: 20 trẻ em<br>25-36 tháng tuổi: 25 trẻ em<br>3-4 tuổi: 25 trẻ em<br>4-5 tuổi: 30 trẻ em<br>5-6 tuổi: 35 trẻ em | 8 $m^2$/trẻ em | | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 50 trẻ em ít nhất 3 năm liên tục |
| Nông thôn, miền núi | 50 trẻ em | | | 12 $m^2$/trẻ em | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 50 trẻ em ít nhất 3 năm liên tục. |
| Trường tiểu học | | | | | Điều lệ trường tiểu học theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thành phố, thị xã | 10 lớp | 35 | 6 $m^2$/hs | | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 10 lớp ít nhất 4 năm liên tục |
| Nông thôn, miền núi | 5 lớp | 35 | | 10 $m^2$/hs | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 05 lớp ít nhất 4 năm liên tục |
| **Trường trung học cơ sở** | | | | | Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |
| Thành phố, thị xã | 8 lớp | 45 | 6 $m^2$/hs | | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 8 lớp ít nhất 4 năm liên tục |
| Nông thôn, miền núi | 4 lớp | 45 | | 10 $m^2$/hs | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 04 lớp ít nhất 4 năm liên tục |
| **Trường trung học phổ thông** | | | | | Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thẩm định thành lập, định kỳ kiểm tra |
| Thành phố, thị xã | 6 lớp | 45 | 6 $m^2$/hs | | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 6 lớp ít nhất 3 năm liên tục |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nông thôn, miền núi | 3 lớp | 45 | | 10 $m^2$/hs | | Bảo đảm quy mô tối thiểu của trường là 03 lớp ít nhất 3 năm liên tục |
| **Trường phổ thông có nhiều cấp học** | Đáp ứng đồng thời tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của từng cấp học tương ứng hoặc tối thiểu cấp học có quy mô học sinh lớn nhất phải đạt tiêu chí, tiêu chuẩn của cấp học tương ứng | | | | | |

**II. Bổ sung vào điểm C Mục I Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg như sau:**

| **Cơ sở giáo dục thường xuyên** | **Tỉ lệ học viên tối đa/giáo viên/ca học** | **Diện tích phòng học tối thiểu** | **Căn cứ pháp lý** |
|---|---|---|---|
| Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học | 25 học viên/giáo viên/ca học | 1,5 $m^2$/ học viên/ca học | Thông tư số 03 /2011/TT- BGDĐT ngày 28/01/2011của BGDĐT về Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm NNTH |

**III. Bổ sung mục A phần III danh mục loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg như sau:**

4. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở trợ giúp trẻ em; trung tâm công tác xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy đáp ứng các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn như sau:

| Loại hình | Quy hoạch mạng lưới | Quy mô | Điều kiện về môi trường, cơ sở vật chất, cán bộ nhân viên | Tiêu chuẩn chăm sóc |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| a) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 của Luật người cao tuổi; cơ sở chăm sóc Người khuyết tật quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 47 của Luật người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí quy định tại Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 | Phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội. | Phục vụ từ 10 đối tượng trở lên | Theo quy định tại :<br>1. Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về quy định điều kiện thủ tục thành lập tổ chức hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; Nghị định số 81/2012/NĐ-CP ngày 8/10/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ.<br>2. Quyết định số 1364/QĐ-LĐTBXH ngày 02/10/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy hoạch mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và | **1. Về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng:**<br>a) Chăm sóc y tế:<br>- Cơ sở trợ giúp xã hội có cán bộ y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết; điều trị và mở sổ theo dõi; kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho từng đối tượng. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có cán bộ và trang thiết bị phục hồi chức năng cho đối tượng.<br>b) Vệ sinh và đồ dùng:<br>- Cung cấp đầy đủ nước uống sạch và bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày cho đối tượng;<br>- Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân, gồm xà phòng tắm, khăn tắm, khăn mặt, kem đánh răng và bàn chải đánh răng riêng; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| của Thủ tướng Chính phủ; cơ sở trợ giúp trẻ em quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và Trung tâm công tác xã hội quy định tại Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ; | | | phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011 - 2020.<br>3. Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐTBXH về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025. | - Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ, gồm giường nằm, chiếu, gối, chăn, màn;<br>- Có nội quy riêng của cơ sở trợ giúp xã hội quy định dọn dẹp vệ sinh và vệ sinh cá nhân.<br>c) Quần áo:<br>- Đối tượng được trang bị quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học), tất và dép được cung cấp ít nhất 6 tháng/01 lần và được thay thế trong trường hợp bị hư hỏng, mất và quần áo mặc đủ ấm về mùa đông.<br>d) Dinh dưỡng:<br>- Cung cấp ít nhất ba bữa ăn sáng, trưa và tối mỗi ngày;<br>- Bảo đảm dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm (thịt, cá, đậu nành, chất bột đường, ngũ cốc, rau quả);<br>- Có chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho những đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng, người cao tuổi và những đối tượng có chế độ ăn kiêng theo bệnh tật, theo tôn giáo hay tín ngưỡng.<br>**2. Về giáo dục và học nghề**<br>Cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm cung cấp cho đối tượng được học văn hóa (đối với người có khả năng học tập); được học nghề (đối với trẻ em từ 13 tuổi trở lên và những người có khả năng lao động và có nhu cầu học nghề), cụ thể:<br>a) Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Luật giáo dục năm 2005; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | b) Cung cấp giáo dục chính quy hoặc không chính quy trong các trường công lập, dân lập hoặc các cơ sở trợ giúp xã hội;<br>c) Giáo dục đối tượng về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính;<br>d) Hướng dẫn đối tượng các phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng, bạo hành và bóc lột;<br>đ) Cung cấp sách vở, tài liệu học tập và bố trí nơi học tập cho đối tượng;<br>e) Tư vấn để đối tượng tự lựa chọn học nghề và phù hợp với điều kiện của địa phương;<br>g) Đối tượng được hỗ trợ học tiếp lên hoặc học nghề tùy thuộc vào độ tuổi, sự lựa chọn và nhu cầu thị trường.<br>**3. Về văn hóa , thể thao và giải trí**<br>Cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm cho đối tượng:<br>a) Về văn hóa:<br>- Môi trường văn hóa có sự quan tâm, chia sẻ và hỗ trợ đối tượng thể hiện tình cảm, suy nghĩ, ý tưởng và sự sáng tạo;<br>- Có cơ hội tham gia vào các hoạt động tôn giáo và xã hội;<br>- Học văn hóa truyền thống dân tộc và tôn trọng quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam;<br>- Có quyền lựa chọn tôn giáo mà không bị phân biệt đối xử, không bị ép buộc theo một |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | tôn giáo để được chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội.<br>b) Về thể thao, vui chơi, giải trí:<br>- Tham gia vào các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí phù hợp với lứa tuổi và người dân ở cộng đồng; hỗ trợ cho người khuyết tật tham gia một cách an toàn vào các hoạt động kể trên;<br>- Được tạo điều kiện để làm quen, kết bạn với những người sống xung quanh, bạn học ở trường và cộng đồng; gặp gỡ với gia đình hoặc những người thân, bạn bè, trừ một số trường hợp có khả năng đe dọa đến sự an toàn của đối tượng.<br>**4. Về môi trường, khuôn viên và nhà ở**<br>a) Môi trường và khuôn viên của cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm các điều kiện sau:<br>- Có ít nhất một khu vườn, cột cờ và không gian phù hợp cho đối tượng tập thể dục, vui chơi và thể thao. Nếu có ao, hồ thì cần được rào lại, bảo đảm an toàn cho đối tượng;<br>- Có khu đất để tăng gia, sản xuất phục vụ cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở trợ giúp xã hội;<br>- Có nơi đổ rác, chất thải thường xuyên và các biện pháp xử lý rác, chất thải phù hợp;<br>- Có hệ thống thoát nước;<br>- Có khu chăn nuôi gia súc, gia cầm cách xa khu vực văn phòng và nhà ở;<br>- Có tường rào và đèn chiếu sáng nhằm bảo đảm sự an toàn cho cơ sở trợ giúp xã hội; |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | - Cổng cơ sở trợ giúp xã hội có biển ghi tên và địa chỉ rõ ràng;<br>- Có phòng tang lễ, nhà thắp hương cho đối tượng qua đời.<br>b) Cơ sở vật chất của cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm có:<br>- Cửa ra vào, cửa sổ cung cấp đủ ánh sáng và bảo đảm thông thoáng;<br>- Các hệ thống bảo đảm an toàn cho đối tượng, bao gồm việc lắp đặt các hệ thống điện, gas và thoát nước một cách phù hợp;<br>- Các thùng rác phù hợp;<br>- Nhà vệ sinh, nhà tắm phù hợp với các nhóm đối tượng, bao gồm cả người khuyết tật; có nhà vệ sinh, nhà tắm riêng cho phụ nữ;<br>- Phòng ngủ của đối tượng có diện tích phù hợp và bảo đảm diện tích để đặt các ngăn tủ chứa vật dụng cá nhân cho không quá 8 người;<br>- Sắp xếp việc ngủ, nghỉ cho đối tượng phù hợp với độ tuổi và giới tính;<br>- Có khu sinh hoạt chung cho đối tượng trong thời gian rảnh rỗi;<br>- Có bếp và phòng ăn chung cho đối tượng;<br>- Có phòng y tế để thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho đối tượng;<br>- Có trang thiết bị cần thiết cho người khuyết tật. |

| Loại hình | Quy hoạch mạng lưới | Quy mô | Điều kiện về môi trường, cơ sở vật chất, cán bộ nhân viên | Tiêu chuẩn chăm sóc |
|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| b) Cơ sở cai nghiện ma túy thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới; | Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch khác của ngành, địa phương | Phục vụ từ 10 đối tượng trở lên | 1. Thực hiện theo Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.<br>2. Nghị quyết số 98/NQ- CP ngày 26/12/2014 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới.<br>3. Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020. | **Giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội**<br>1. Áp dụng các bài thuốc đông y hoặc thuốc từ dược liệu đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.<br>2. Thực hiện các biện pháp tâm lý, vật lý trị liệu, giúp cho người nghiện ma túy bớt lo âu, làm giảm hội chứng cai.<br>3. Trong thời gian điều trị cắt cơn phải thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Y tế về điều trị cắt cơn, giải độc. Giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc: Thực hiện từ 10 - 20 ngày.<br>4. Tổ chức truyền thông giáo dục sức khoẻ về các bệnh nhiễm trùng cơ hội, HIV/AIDS và các bệnh, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục cho người nghiện ma túy.<br>6. Tư vấn cho người nghiện ma túy về điều trị nghiện ma tuý, giúp họ có cơ hội tìm hiểu về tác hại của ma tuý và hậu quả của việc sử dụng ma tuý; đồng thời thảo luận với từng người nghiện ma túy về kế hoạch điều trị phù hợp nhất với hoàn cảnh và điều kiện của từng người.<br>**Giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách**<br>1. Thực hiện liệu pháp tâm lý tập thể:<br>a) Giao ban buổi sáng; hội thảo về các chủ đề đạo |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 07/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020, bao gồm:<br>- Cơ sở điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khoẻ;<br>- Cơ sở thực hiện các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện;<br>- Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi. | | | | đức, trách nhiệm với gia đình và xã hội về tác hại của nghiện ma túy. Các hoạt động phong phú, thể hiện tình thương yêu của tập thể với cá nhân và trách nhiệm của cá nhân với tập thể dỏ như một gia đình;<br>b) Tổ chức cho người nghiện ma túy học tập về đạo đức, lối sống, quyền và nghĩa vụ của công dân; tìm hiểu Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản pháp luật khác; rèn luyện, tác phong, lối sống lành mạnh không ma túy;<br>c) Ngoài ra, có thể dùng các phương pháp trị liệu tâm lý khác như tâm năng dưỡng sinh, thiền trong trị liệu tập thể.<br>2. Thực hiện liệu pháp tâm lý nhóm: Tổ chức người nghiện ma túy thành từng nhóm: nhóm cùng hoàn cảnh, nhóm cùng tiến bộ. Tại mỗi nhóm, người nghiện ma túy có thể bày tỏ những tâm tư, vướng mắc, lo âu để mọi người trong nhóm cùng thảo luận, tìm cách giúp đỡ, xóa bỏ sự cô độc, mặc cảm, thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau, sự cởi mở và chia sẻ giữa mọi người.<br>Hoạt động này phải được duy trì thường xuyên (hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng).<br>3. Thực hiện liệu pháp tâm lý cá nhân: Tổ chức hoạt động tư vấn cá nhân giúp người nghiện ma túy tháo gỡ những vướng mắc, lo lắng về gia đình, sức khỏe, bệnh tật.<br>4. Thực hiện liệu pháp lao động: Tổ chức cho người nghiện ma túy tham gia các hoạt động lao động hàng ngày như: dọn vệ sinh, nấu ăn, trồng cây và các hoạt dộng lao động khác nhằm giúp người nghiện ma túy hiểu được giá trị của sức lao |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | | động và phục hồi sức khỏe.<br>5. Liệu pháp thể dục - thể thao, vui chơi giải trí: Tổ chức cho người nghiện ma túy tham gia các hoạt động thể dục - thể thao, vui chơi giải trí như: bóng đá, bóng chuyền, văn hóa - văn nghệ, xem tivi và các loại hình thể thao, giải trí khác.<br>Những hoạt động trị liệu trên được lặp lại hằng ngày, xen kẽ với lao động trị liệu, duy trì hằng ngày từ 6 giờ đến 22 giờ (trừ giờ ăn trưa, nghỉ trưa, ăn tối).<br>**Giai đoạn lao động trị liệu, học nghề**<br>1. Lao động trị liệu: Tổ chức lao động trị liệu với mục đích phục hồi sức khoẻ và kỹ năng lao động cho người nghiện ma túy. Căn cứ vào sức khoẻ, độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp của người nghiện ma túy.<br>2. Dạy nghề, tạo việc làm: Tùy theo tình hình cơ sở vật chất, kinh phí, nhu cầu của người nghiện ma túy có thể mở các lớp dạy nghề, tạo việc làm cho người nghiện ma túy hoặc liên kết với các cơ sở dạy nghề để tổ chức dạy nghề và cấp chứng chỉ học nghề cho người nghiện ma túy. |